

Bản án số: 347/2022/HC-PT

Ngày 09 tháng 8 năm 2022

V/v khiếu kiện Quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Anh Tài;

*Các Thẩm phán:*

Ông Đặng Đình Lực;

Ông Phạm Việt Hà

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Từ ngày 04 đến ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 66/2021/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 243/2020/HC-ST ngày 26/09/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6663/2022 ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1933; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 4B, C, T (nay là phường C1, quận B), thành phố H; chỗ ở hiện nay: Số nhà 7, ngách 169/6, đường H, thành phố H. Vắng mặt;

**- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:**

1. Ông Bùi Minh B – Luật sư Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: Phòng 905, nhà CT 4-5 ngõ 6 phố D, phường Y, quận C, thành phố H; Có mặt.

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1960; trú tại: Tổ 18 phường H, quận H, thành phố H; Có mặt.

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Phương H - Văn phòng luật sư A thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ:

Phòng 905, ngõ 6, phố D, phường Y, quận C, thành phố H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

**\* Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận B, thành phố H.

Địa chỉ: Toà nhà CT6A, khu đô thị K, đường K, phường P, quận B, thành phố H;

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Ngọc H – Chủ tịch; Vắng mặt.

- *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Ngọc V – Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận B:*

1. Ông Phạm Ngọc A – Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B. Vắng mặt;

2. Ông Cao Ngọc H – Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường UBND quận B. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Thế C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, thành phố H; trụ sở làm việc: toà nhà CT6A, khu đô thị Kiều Mai, đường K, phường P, quận B, thành phố H. Vắng mặt;

2. Ủy ban nhân dân phường C1, quận B, thành phố H; địa chỉ: Số 601 đường P, phường C1, quận B, thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Chu Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch; Vắng mặt;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của các bên đương sự, nội dung vụ án như sau:*

Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị Q theo bản đồ địa chính năm 1959-1960 thuộc thửa đất 312 tờ bản đồ số 01, có diện tích 115m<sup>2</sup> (hiện nằm trong khuôn viên đình H) đứng tên ông Dương Văn L (chồng bà Nguyễn Thị Q đã hy sinh năm 1966). Năm 1984, khi Nhà nước mở rộng đường giao thông (đường P hiện nay), đình H phải di dời mặt bằng cho dự án, bà Nguyễn Thị Q đã có đơn đổi đất di dời đi nơi khác để xã C lấy đất xây dựng đình H và được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận, diện tích đất được cấp đổi là 10 thước. Theo bản đồ năm 1994 thì thửa đất của bà Nguyễn Thị Q bị thu hồi 1 phần là thửa số 67 tờ bản đồ 69 xã C.

Từ năm 1984 đến ngày thu hồi đất, bà Nguyễn Thị Q không được cấp thêm diện tích đất hoặc nhận chuyển nhượng diện tích đất của ai mà đã chuyển nhượng và cho tặng cho các trường hợp sau:

**Ông Đỗ Cường G:** Ngày 19/10/2003, ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L có Giấy cho quyền sử dụng đất cho con trai là ông Nguyễn Tiến M quyền sử dụng diện tích 45m<sup>2</sup> đất (không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ngày 11/10/2005, ông Nguyễn Văn L có Đơn xin xác nhận (có xác nhận của ông Dương Xuân G - người chuyển nhượng đất) gửi UBND xã C với nội

dung: Năm 1987 ông Nguyễn Văn L mua 45m<sup>2</sup> đất của ông Dương Xuân G - con trai bà Nguyễn Thị Q (không có xác nhận của UBND xã C) tại khu đất được UBND xã C chấp thuận đổi đất cho gia đình theo xác nhận ngày 24/11/1984.

Ngày 20/7/2006, ông Dương Xuân G có Bản tường trình gửi UBND xã C với nội dung: Năm 1987, mẹ tôi (bà Nguyễn Thị Q) có đồng ý cho tôi (ông Dương Xuân G) bán cho ông Nguyễn Văn L diện tích 45m<sup>2</sup> đất tại khu đất được UBND xã C chấp thuận đổi đất cho gia đình theo xác nhận ngày 24/11/1984 (không có xác nhận của UBND xã C).

Ngày 25/09/2006, UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Tiến M và bà Lê Thị T diện tích 45m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 69 tại phường C 1. Ngày 23/05/2011, ông Nguyễn Tiến M và bà Lê Thị T chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất trên cho ông Đỗ Cường G.

Như vậy, diện tích 45m<sup>2</sup> đất đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Nguyễn Thị Hồng H và Hộ ông Nguyễn Văn H, bà Cao Thị Kim G:*

Ngày 10/6/1992, bà Nguyễn Thị Q chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Kim H. Ngày 02/3/1994, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Kim H chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Trần Đình C và Hoàng Thị H. Ngày 06/8/1994, ông Trần Đình C và bà Hoàng Thị H chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Quế S và bà Phùng Ánh N. Ngày 09/4/1995, ông Nguyễn Quế S và bà Phùng Ánh N chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho bà Lê Thị Đ. Ngày 13/6/2014, gia đình bà Lê Thị Đ lập Biên bản thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Tuấn Đ được sử dụng diện tích 40,9m<sup>2</sup> đất. Ông Nguyễn Văn H được sử dụng diện tích 37m<sup>2</sup> đất. Ngày 24/3/2016, UBND quận B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Kim G được quyền sử dụng diện tích 37,0m<sup>2</sup> tại thửa đất số 246 tờ bản đồ số 69 và cho ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Vũ Thị Hồng H được quyền sử dụng diện tích 40,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 64 tờ bản đồ số 69. Như vậy, Trong tổng số diện tích 77,9m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có 77m<sup>2</sup> là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Nguyễn Hùng S, bà Phùng Thị P và ông Chu Văn B:*

Bà Nguyễn Thị Q viết giấy chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Chu Văn Đ được UBND xã C xác nhận. Ông Chu Văn Đ chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị Hà T và bà Nguyễn Thị P được UBND xã C xác nhận với nội dung: Nguồn gốc đất là xã đền bù cho bà Nguyễn Thị Q khi di chuyển đổi đất làm Đình H. Ngày 10/01/2000, bà Nguyễn Thị Hà T chuyển nhượng diện tích 24,5m<sup>2</sup> đất cho Nguyễn Thị L (có xác nhận của UBND xã C ngày 31/01/2000) và tại trích lục Bản đồ của UBND xã C có nêu: Ngày 5/3/1990, bà Q bán cho anh Đ; Ngày 10/8/1990, anh Đ bán cho bà Hà T. Ngày 22/10/2000, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu K. Ngày 10/3/2000, ông Nguyễn Hữu K chuyển nhượng diện tích 5,5m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị L. Ngày 23/5/2001, bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng diện tích 30m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Minh H. Ngày 10/10/2001, ông

Nguyễn Minh H chuyển nhượng diện tích 30m<sup>2</sup> đất cho bà Phùng Thị P. Ngày 25/9/2006, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phùng Thị P và ông Nguyễn Hùng S được quyền sử dụng diện tích 29,8m<sup>2</sup> tại thửa đất số 65 tờ bản đồ số 69.

Bà Nguyễn Thị Q viết giấy chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Chu Văn Đ được UBND xã C xác nhận. Ông Chu Văn Đ chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị Hà T và bà Nguyễn Thị P được UBND xã C xác nhận với nội dung: Nguồn gốc đất là xã đền bù cho bà Nguyễn Thị Q khi di chuyển đổi đất làm Đình H. Ngày 22/10/2000, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu K. Ngày 9/11/2000, ông Nguyễn Hữu K chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng S. Ngày 30/5/2006, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng S và bà Phùng Thị P được quyền sử dụng diện tích 20,4m<sup>2</sup> tại thửa đất số 193 thuộc tờ bản đồ 69. Ngày 14/01/2009, ông Nguyễn Hùng S chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất lại cho ông Chu Văn B. Trong tổng số diện tích 50,2m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất cho 02 trường hợp nêu trên có 25m<sup>2</sup> là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Trần Bá V và bà Nguyễn Thị P:*

Ngày 06/9/1991, bà Nguyễn Thị Q chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> đất cho ông Trần Bá V (có xác nhận của UBND xã C). Ngày 28/9/2006, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị P và ông Trần Bá V diện tích 112m<sup>2</sup>. Như vậy, trong tổng số diện tích 112m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có 100m<sup>2</sup> đất là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Dương Xuân G và bà Nguyễn Thị T:* Ngày 31/12/1990, bà Nguyễn Thị Q cùng gia đình lập Biên bản chia đất cho các con trong đó có ông Dương Xuân G được sử dụng một nửa mảnh đất (117,8m<sup>2</sup>) của gia đình (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Ngày 06/12/2005 UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Xuân G và bà Nguyễn Thị T diện tích 117,8m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích 117,8m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có nguồn gốc là đất nhận cho tặng từ bà Nguyễn Thị Q và nằm ngoài diện tích đất được UBND xã C cấp đổi năm 1984.

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q được UBND xã C giải quyết khi phải di dời nhà đi nơi khác để xây dựng công trình công cộng (đình H) là 10 thước đất (tương đương với 240m<sup>2</sup>).

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đã thực hiện chuyển nhượng và cho tặng là 364,8m<sup>2</sup>.

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng là 174,6m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng, tặng cho các trường hợp và diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng là: 364,8m<sup>2</sup> + 174,6m<sup>2</sup> = 539,4m<sup>2</sup> và tặng 299,4m<sup>2</sup> đất so với diện tích đất được UBND xã C giải quyết để xây dựng đình H (240m<sup>2</sup>).

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy H tại Thông báo số 124-TB/TU ngày 04/5/2016 và của UBND thành phố H tại Văn bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2016 về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C)

trên địa bàn thành phố H. Trong số người sử dụng đất có đất thu hồi tại dự án có bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng diện tích đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C, huyện T (nay là phường C 1, quận B). Ngày 07/9/2018 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4980/QĐ - UBND về việc thu hồi đất của gia đình bà Nguyễn Thị Q để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - cầu T) tại phường C 1, quận B. Ngày 7/9/2018 Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 4981/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Q.

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2018, bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định hành chính:

Tuyên hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị Q, địa chỉ: phường C 1, quận B.

Không khởi kiện đối với Quyết định số 4980/QĐ -UBND ngày 7/9/2018 về việc thu hồi đất của UBND quận B.

Đối với Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 5/12/2018 giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B thì bà Q không đồng ý với quyết định khiếu nại này nhưng không khởi kiện. Ngày 22 tháng 6 năm 2020, ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q đã ký đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B. Tuy nhiên, khi tòa án đã đưa Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xem xét Quyết định số 7332/QĐ-CTUBND ngày 05/12/2018 giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B nên ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L không yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Lý do khởi kiện của bà Q:

Bà Nguyễn Thị Q yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND quận B về việc phân bồi thường, hỗ trợ về đất và phân tái định cư là nhà chung cư thì yêu cầu tối thiểu phải là 2 căn hộ.

Nguồn gốc đất của gia đình bà là đất để làm Đình H. Năm 1984, khi Nhà nước mở rộng đường giao thông (đường P hiện nay), Đình làng phải di dời mặt bằng cho dự án. Gia đình phải hiến toàn bộ diện tích đất thổ cư, các công trình trên đất gồm: 4 gian nhà gỗ, 3 gian nhà bếp, sân gạch, giếng khơi, bể nước, cổng, tường bao, vườn trồng cây lâu năm (mít, nhãn, ổi, bưởi, lũy tre, hàng rào chuối,...). Phần trung tâm, chính diện Đình H mới hiện nay nằm trọn trên toàn bộ diện tích đất ở của gia đình bà. Nguồn gốc nhà đất trên là do tổ tiên, cha ông bên chồng bà để lại. Gia tộc họ hàng đã nhiều đời sinh sống ổn định trên mảnh đất này.

Sau khi hiến đất, UBND xã C cấp cho gia đình bà mảnh đất tại khu N, góc đường cây đa bia, giáp đường bộ cao tốc. Thời điểm đó, UBND xã C cùng các ban ngành tổ chức bàn giao đất trên thực địa nhưng không đo đạc cụ thể mà chỉ cắm mốc. Gia đình bà sử dụng đúng diện tích đã được cắm mốc đến nay ổn định, không có tranh chấp. Thời điểm đó, sau khi giao đất, chính quyền lại sơ xuất không thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai cho gia đình. Gia đình bà là gia đình chính sách đặc

biệt khó khăn, chồng bà là liệt sỹ đã hy sinh kháng chiến chống Mỹ. Bà Q không đủ hiểu biết, không biết chữ, đông con, phải chật vật mưu sinh lo cuộc sống nên không có điều kiện để có thể tự mình thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai. Mẹ chồng bà chỉ có duy nhất chồng bà là con trai độc đinh. Đến năm 2015, mẹ chồng bà được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng.

Từ khi được xã C giao đất, gia đình chỉ có duy nhất diện tích đất đó để ở, cũng chưa từng sử dụng diện tích đất trên để canh tác sản xuất nông nghiệp. Nếu UBND quận B kết luận là đất nông nghiệp và gia đình tự ý sử dụng và tự ý chuyển đổi mục đích để xây nhà là không đúng. Trong quá trình ở sau khi đổi đất thì bà Nguyễn Thị Q đã cho con trai Dương Văn G 1 phần, ông G bán đi 1 phần và sử dụng 1 phần. Phần còn lại thì bà Q và con trai là Dương Văn T sử dụng, đã bán đi 1 phần. Phần còn lại bà Q, ông T và ông H sử dụng thì chính là diện tích đất 174,6m<sup>2</sup> ( phần bị thu hồi là 151,5m<sup>2</sup>, phần nằm ngoài giải phóng mặt bằng đường vành đai 3 là 23,1m<sup>2</sup>. Bà Q cho ông G, còn 23,1m<sup>2</sup> thì cho ông T, chỉ nói miệng chứ không có văn bản, giấy tờ thể hiện việc cho này.

Về phương án tái định cư: Gia đình bà có 3 hộ gia đình với 3 thế hệ cùng sống duy nhất tại diện tích đất đã bị thu hồi. Gia đình bà là gia đình chính sách nhưng lại chỉ được bồi thường 1 suất tái định cư 52,7m<sup>2</sup> thì không đảm bảo được điều kiện sống tối thiểu. Bà Q đề nghị Tòa án xem xét lại để gia đình chính sách đỡ thiệt thòi. Hơn nữa theo bà được biết khi Nhà nước thu hồi không còn đất ở nào khác mà tiền bồi thường hỗ trợ không đủ để mua 1 suất tái định cư tối thiểu thì Nhà nước hỗ trợ tiền để được 1 suất tái định cư tối thiểu. Trong khi đó, Đảng và Nhà nước có chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm lo nơi ở cho nhân thân liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Gia đình bà Q bị thu hồi 151,5m<sup>2</sup> đất nhưng có 91,5m<sup>2</sup> đất cho rằng do HTX C quản lý nên không được bồi thường là quá bất công. Nguồn gốc đất do Ủy ban hành chính xã C trước kia giao cho gia đình vào mục đích để ở chứ không phải sản xuất nông nghiệp.

Vì vậy, phương án bồi thường hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng là không đúng theo quy định của pháp luật, nguồn gốc, mục đích và quá trình sử dụng.

*Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B trình bày:*

UBND quận B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án, giữ nguyên các quyết định hành chính đã ban hành. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì:

Ngày 20/05/2005, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 76/2005/QĐ-UB về việc phê duyệt chỉ giới đường đỏ đường Phạm Văn Đồng (Vành đai 3 đoạn nút Mai Dịch đến nút Nam cầu Thăng Long) tỷ lệ 1/500.

Ngày 14/01/2010, Bộ Trưởng bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 103/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III (đoạn M - N), thành phố H.

Ngày 15/6/2016, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3099/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai III đoạn M - N;

*Công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:*

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy H tại Thông báo số 124-TB/TU ngày 04/5/2016 và của UBND thành phố H tại Văn bản số 2689/UBND-ĐT ngày 12/5/2016 về việc triển khai dự án đầu tư mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - Cầu T) trên địa bàn thành phố H và các quy định pháp luật về đất đai và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, UBND quận B đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Quận và thành lập tổ công tác dự án, đồng thời giao và chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B phối hợp với các đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện công tác thu hồi đất và công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất để thực hiện dự án theo chỉ đạo của Thành phố.

Trong số người sử dụng đất có đất thu hồi tại dự án có bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng diện tích 174,6m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C, huyện T (nay là phường C 1, quận B). Trong đó, diện tích đất thu hồi tại dự án: 151,5m<sup>2</sup>, diện tích đất còn lại: 23,1m<sup>2</sup>.

*Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:* Ngày 03/01/2018, UBND phường C 1 có Giấy xác nhận về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với bà Nguyễn Thị Q thể hiện như sau:

*Hồ sơ, giấy tờ liên quan đến sử dụng đất:*

- Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường C 1:

+ Diện tích đất thu hồi thuộc một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C (nay là phường C 1) có diện tích 178 m<sup>2</sup>; thể hiện có công trình xây dựng trên đất; Sổ kiểm kê lập năm 2000 (lập theo bản đồ 1994) thể hiện chủ sử dụng đất: Nguyễn Thị Q; loại đất: Đất ở.

- Theo hồ sơ, tài liệu và giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp:

Đơn đề nghị đề ngày 20/9/1984 của bà Nguyễn Thị Q gửi UBND xã C về việc giải quyết đất cho gia đình khi gia đình đã rời nhà đi nơi khác để xã lấy đất xây dựng công trình công cộng và được UBND xã C xác nhận ngày 24/11/1984 với nội dung: “*Nhất trí giải quyết cho bà Nguyễn Thị Q 10 thước đất tại nội tía góc đường cây Đa bia, giáp đường bộ cao tốc, thửa đất này anh Cầu hiện đang cấy, không trả sản lượng, nay xã thu hồi lại để cấp cho bà Q*”. Diện tích bà Q được cấp tương đương với diện tích 240m<sup>2</sup> đất.

*Quá trình sử dụng đất:*

Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại phường, hồ sơ, tài liệu và giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và các Báo cáo Kết quả thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Thanh tra quận B cho thấy quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q đối với diện tích 240m<sup>2</sup> đất được UBND xã C cấp từ năm 1984 đến ngày thu hồi đất như sau: Gia đình bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng và cho tặng cho các trường hợp sau:

*Ông Đỗ Cường G:*

Ngày 19/10/2003, ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị L có Giấy cho quyền sử dụng đất cho con trai là ông Nguyễn Tiến M quyền sử dụng diện tích 45m<sup>2</sup> đất (không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Ngày 11/10/2005, ông Nguyễn Văn L có Đơn xin xác nhận (có xác nhận của ông Dương Xuân G - người chuyển nhượng đất) gửi UBND xã C với nội dung: Năm 1987 ông Nguyễn Văn L mua 45m<sup>2</sup> đất của ông Dương Xuân G - con trai bà Nguyễn Thị Q (không có xác

nhận của UBND xã C) tại khu đất được UBND xã C chấp thuận đổi đất cho gia đình theo xác nhận ngày 24/11/1984.

Ngày 20/7/2006, ông Dương Xuân G có Bản tường trình gửi UBND xã C với nội dung: Năm 1987, mẹ tôi (bà Nguyễn Thị Q) có đồng ý cho tôi (ông Dương Xuân G) bán cho ông Nguyễn Văn L diện tích 45m<sup>2</sup> đất tại khu đất được UBND xã C chấp thuận đổi đất cho gia đình theo xác nhận ngày 24/11/1984 (không có xác nhận của UBND xã C).

Ngày 25/09/2006, UBND huyện T đã cấp GCNQSD đất cho ông Nguyễn Tiến M và bà Lê Thị T diện tích 45m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 69 tại phường C 1. Ngày 23/05/2011, ông Nguyễn Tiến M và bà Lê Thị T chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất trên cho ông Đỗ Cường G.

Như vậy, diện tích 45m<sup>2</sup> đất đã được UBND huyện T cấp GCNQSD đất là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Nguyễn Thị Hồng H và Hộ ông Nguyễn Văn H, bà Cao Thị Kim G:* Ngày 10/6/1992, bà Nguyễn Thị Q chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Kim H. Ngày 02/3/1994, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Kim H chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Trần Đình C và Hoàng Thị H. Ngày 06/8/1994, ông Trần Đình C và bà Hoàng Thị H chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Quế S và bà Phùng Ánh N. Ngày 09/4/1995, ông Nguyễn Quế S và bà Phùng Ánh N chuyển nhượng diện tích 77m<sup>2</sup> đất cho bà Lê Thị Đ.

Ngày 13/6/2014, gia đình bà Lê Thị Đ lập Biên bản thỏa thuận phân chia quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Tuấn Đ được sử dụng diện tích 40,9m<sup>2</sup> đất. Ông Nguyễn Văn H được sử dụng diện tích 37m<sup>2</sup> đất. Ngày 24/3/2016, UBND quận B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị Kim G được quyền sử dụng diện tích 37,0m<sup>2</sup> tại thửa đất số 246 tờ bản đồ số 69 và cho ông Nguyễn Tuấn Đ và bà Vũ Thị Hồng H được quyền sử dụng diện tích 40,9m<sup>2</sup> tại thửa đất số 64 tờ bản đồ số 69.

Như vậy, Trong tổng số diện tích 77,9m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có 77m<sup>2</sup> là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Nguyễn Hùng S, bà Phùng Thị P và ông Chu Văn B:*

Bà Nguyễn Thị Q viết giấy chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Chu Văn Đ được UBND xã C xác nhận. Ông Chu Văn Đ chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị Hà T và bà Nguyễn Thị P được UBND xã C xác nhận với nội dung: Nguồn gốc đất là xã đền bù cho bà Nguyễn Thị Q khi di chuyển đổi đất làm Đình H. Ngày 10/01/2000, bà Nguyễn Thị Hà T chuyển nhượng diện tích 24,5m<sup>2</sup> đất cho Nguyễn Thị L (có xác nhận của UBND xã C ngày 31/01/2000) và tại trích lục Bản đồ của UBND xã C có nêu: Ngày 5/3/1990, bà Q bán cho anh Đ; Ngày 10/8/1990, anh Đ bán cho bà Hà T. Ngày 22/10/2000, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu K. Ngày 10/3/2000, ông Nguyễn Hữu K chuyển nhượng diện tích 5,5m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị L. Ngày 23/5/2001, bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng diện tích 30m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Minh H. Ngày 10/10/2001, ông Nguyễn Minh H chuyển nhượng diện tích 30m<sup>2</sup> đất cho bà Phùng Thị P. Ngày



25/9/2006, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phùng Thị P và ông Nguyễn Hùng S được quyền sử dụng diện tích 29,8m<sup>2</sup> tại thửa đất số 65 tờ bản đồ số 69.

Bà Nguyễn Thị Q viết giấy chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Chu Văn Đ được UBND xã C xác nhận. Ông Chu Văn Đ chuyển nhượng 40m<sup>2</sup> đất cho bà Nguyễn Thị Hà T và bà Nguyễn Thị P được UBND xã C xác nhận với nội dung: Nguồn gốc đất là xã đền bù cho bà Nguyễn Thị Q khi di chuyển đổi đất làm Đình H. Ngày 22/10/2000, bà Nguyễn Thị P chuyển nhượng 25m<sup>2</sup> đất cho ông Nguyễn Hữu K. Ngày 9/11/2000, ông Nguyễn Hữu K chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng S. Ngày 30/5/2006, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng S và bà Phùng Thị P được quyền sử dụng diện tích 20,4m<sup>2</sup> tại thửa đất số 193 thuộc tờ bản đồ 69. Ngày 14/01/2009, ông Nguyễn Hùng S chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất tại cho ông Chu Văn B. Trong tổng số diện tích 50,2m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất cho 02 trường hợp nêu trên có 25m<sup>2</sup> là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Trần Bá V và bà Nguyễn Thị P:* Ngày 06/9/1991, bà Nguyễn Thị Q chuyển nhượng 100m<sup>2</sup> đất cho ông Trần Bá V (có xác nhận của UBND xã C). Ngày 28/9/2006, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị P và ông Trần Bá V diện tích 112m<sup>2</sup>. Như vậy, Trong tổng số diện tích 112m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có 100m<sup>2</sup> đất là đất nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Q có nguồn gốc được UBND xã C cấp đổi đất từ năm 1984.

*Hộ ông Dương Xuân G và bà Nguyễn Thị T:* Ngày 31/12/1990, bà Nguyễn Thị Q cùng gia đình lập Biên bản chia đất cho các con trong đó có ông Dương Xuân G được sử dụng một nửa mảnh đất (117,8m<sup>2</sup>) của gia đình (không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Ngày 06/12/2005 UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Xuân G và bà Nguyễn Thị T diện tích 117,8m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích 117,8m<sup>2</sup> đã được UBND quận B cấp GCNQSD đất có nguồn gốc là đất nhận cho tặng từ bà Nguyễn Thị Q và nằm ngoài diện tích đất được UBND xã C cấp đổi năm 1984.

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q được UBND xã C giải quyết khi phải di dời nhà đi nơi khác để xây dựng công trình công cộng (đình H) là 10 thước đất (tương đương với 240m<sup>2</sup>).

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đã thực hiện chuyển nhượng và cho tặng là 364,8m<sup>2</sup>. Diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng là 174,6m<sup>2</sup>.

Tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng, tặng cho 05 trường hợp và diện tích đất bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng là: 364,8m<sup>2</sup> + 174,6m<sup>2</sup> = 539,4m<sup>2</sup> và tăng 299,4m<sup>2</sup> đất so với diện tích đất được UBND xã C giải quyết để xây dựng đình H (240m<sup>2</sup>).

*Nguồn gốc sử dụng đất đối với diện tích đất thu hồi tại dự án:*

Tổng diện tích 174,6m<sup>2</sup> đất do bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng đã được UBND phường C 1 xác định là tăng so với diện tích 240m<sup>2</sup> đất (10 thước đất) được UBND xã C xác nhận ngày 24/11/1984 về giải quyết đất cho gia đình bà

Nguyễn Thị Q để xây dựng đình H tại Đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị Q đề ngày 20/9/1984.

Ngày 04/7/2017, UBND phường C 1 đã tổ chức hội nghị lấy ý kiến các ông (bà) nguyên là lãnh đạo, cán bộ UBND xã C và Hợp tác xã C các thời kỳ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng đất tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69, Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C (nay là phường C 1) và các trường hợp sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng, cho tặng từ gia đình bà Nguyễn Thị Q. Qua trao đổi, hội nghị thống nhất ghi nhận như sau: Trước thời điểm bà Nguyễn Thị Q được UBND xã C giao đất (ngày 20/9/1984), vị trí đất bà Nguyễn Thị Q và các hộ gia đình được gia đình bà Q cho tặng, nhận chuyển nhượng đều có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Hợp tác xã C quản lý.

Diện tích đất này gia đình bà Nguyễn Thị Q đã tự sử dụng và tự ý chuyển mục đích sử dụng để ở từ trước ngày 15/10/1993 (Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 15/12/2016 của UBND phường C 1). Diện tích công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 là 48,9m<sup>2</sup> (Theo kích thước công trình xây dựng trên Bản đồ đo vẽ năm 1994).

Căn cứ giấy tờ do người sử dụng đất cung cấp và hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường và những nhận định, phân tích nêu trên, UBND phường C 1 đã xác nhận diện tích 151,5 m<sup>2</sup> đất thu hồi tại dự án có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Hợp tác xã C (nay là UBND phường C 1) quản lý; Bà Nguyễn Thị Q đã tự sử dụng và tự ý chuyển mục đích sử dụng để ở từ trước ngày 15/10/1993.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của UBND phường C 1 đối với bà Nguyễn Thị Q và căn cứ quy định pháp luật hiện hành, UBND quận B đã ban hành quyết định thu hồi 151,5m<sup>2</sup> đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Hợp tác xã C (nay là UBND phường C 1) quản lý; Bà Nguyễn Thị Q có hộ khẩu thường trú tại phường C 1, quận B đã tự sử dụng và tự ý chuyển mục đích sử dụng để ở từ trước ngày 15/10/1993 để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B tại Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 07/9/2018.

Như vậy, UBND phường C 1 đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và UBND quận B đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Q là phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và điểm 3 khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

*Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:*

Với nguồn gốc sử dụng đất nêu trên và theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì bà Nguyễn Thị Q không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi của người đang sử dụng đất, UBND quận B đã báo cáo UBND thành phố H chấp thuận chính sách hỗ trợ đất cho các trường hợp đang sử dụng đất có nguồn gốc nêu trên. Ngày 22/8/2016, UBND thành phố H đã chấp thuận chính sách hỗ trợ đất tại mục 1 phần II Thông báo số 304/TB-UBND trên cơ sở đề xuất tại mục 4 phần III Tờ trình số 4773/TTrLN-STC ngày 09/8/2016 của Liên ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Ban chỉ đạo GPMB Thành phố, UBND quận C và UBND quận B.

Trên cơ sở xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và thời điểm xây dựng công trình của UBND phường C 1 đối với bà Nguyễn Thị Q, căn cứ quy định pháp luật hiện hành và các chính sách đã được UBND thành phố H chấp thuận, UBND quận B đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị Q có hộ khẩu thường trú tại phường C 1, quận B để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B tại Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018.

*Hỗ trợ đất:* Phương án hỗ trợ đất đối với bà Nguyễn Thị Q đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 là đúng với chính sách đã được UBND thành phố H chấp thuận tại mục 1 phần II Thông báo số 304/TB-UBND ngày 22/8/2016.

*Hỗ trợ công trình xây dựng trên đất:* Phương án hỗ trợ công trình xây dựng trên đất đối với bà Nguyễn Thị Q đã được UBND quận B phê duyệt tại Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 là đúng với quy định tại Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

*Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:* Theo Giấy xác nhận ngày 22/02/2017 của Công an phường C 1 đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Q cho thấy: Tại địa chỉ thu hồi đất có 03 hộ với 04 nhân khẩu đang trực tiếp sinh sống. UBND quận B đã phê duyệt các khoản bồi thường, hỗ trợ khác như sau:

Hỗ trợ ổn định đời sống theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H.

*Về tái định cư:* Theo xác nhận của UBND phường C 1, diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị Q đang sử dụng bị thu hồi là đất có nguồn gốc là đất nông nghiệp do Hợp tác xã C (nay là UBND phường C 1) quản lý không đủ điều kiện được bồi thường về đất, bà Nguyễn Thị Q đã tự sử dụng và tự ý chuyển mục đích sử dụng để ở từ trước ngày 15/10/1993 theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H thì gia đình bà Nguyễn Thị Q không được tái định cư.

Gia đình bà Nguyễn Thị Q bị thu hồi toàn bộ diện tích đang sử dụng; không có nơi ở nào khác trên địa bàn phường C 1 và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 27 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/03/2017 của UBND thành phố H, UBND quận B đã phê duyệt phương án xét bán căn hộ chung cư tái định cư (căn hộ 1001, tầng 14, đơn nguyên A14B1 nhà A14B(21T2) Khu đô thị N) theo hình thức tự lo tái định cư (bà Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị hỗ trợ bằng tiền để tự lo tái định cư) theo quy định tại Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 08/11/2016 của UBND thành phố H tại Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018.

Như vậy, UBND quận B đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Q là đúng quy định pháp luật và đúng chỉ đạo của UBND thành phố H.

Ngày 12/9/2018, UBND quận B nhận được đơn của bà Nguyễn Thị Q tại địa chỉ số 617-619, đường P, phường C 1, quận B về việc khiếu nại Quyết định số 4980/QĐ-UBND và Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà

Nguyễn Thị Q để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B.

Ngày 05/12/2018, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 7332/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Q địa chỉ số 617-619, phường C 1, quận B (lần đầu). Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại theo hướng giữ nguyên các Quyết định số 4980/QĐ-UBND và Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Q để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B.

Bà Nguyễn Thị Q không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B tại Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 và tiếp tục có đơn khởi kiện gửi Tòa án Nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Q để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B.

Đây là một trong những dự án trọng điểm và cấp bách của thành phố H được Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo về công tác GPMB và đầu tư xây dựng công trình. Để đảm bảo tính nghiêm minh và thượng tôn pháp luật cũng như để đảm bảo tiến độ thu hồi đất thực hiện dự án theo chỉ đạo của Thành ủy và UBND thành phố H, UBND quận B kiến nghị Tòa án Nhân dân thành phố H nghiên cứu và xét xử vụ án theo đúng quy định pháp luật.

UBND quận B sẽ thực hiện nghiêm theo bản án của Tòa án Nhân dân thành phố H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND quận B trình bày:*

Chủ tịch UBND quận B nhất trí với ý kiến của UBND Quận B và vẫn giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định 7332/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND quận B, đề nghị Tòa án xem xét định hành chính trên theo đúng quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường C 1 trình bày:*

Tại công văn số 1368/UBND-ĐC ngày 21 tháng 10 năm 2019 và bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2019, UBND phường C 1 trình bày về hồ sơ pháp lý dự án, hồ sơ lưu tại phường; công tác thu hồi đất và công tác bồi thường tái định cư; quá trình sử dụng đất đối với bà Nguyễn Thị Q thống nhất như quan điểm UBND Quận B trình bày. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường và xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 243/2020/HC-ST ngày 26/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 69; Điều 74; Điều 75; Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về đề nghị hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Cụ thể là phần bồi thường, hỗ trợ về đất và phân tái định cư bằng nhà chung cư.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2020, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Q và người đại diện theo ủy quyền của bà Q là ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Q là ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cụ thể là phần bồi thường, hỗ trợ về đất và phân tái định cư bằng nhà chung cư. Hủy một phần quyết định 7332/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại lần đầu nhằm bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đều thống nhất trình bày: UBND quận B xác định 151,5m<sup>2</sup> đất thu hồi của bà Nguyễn Thị Q là đất nông nghiệp do HTX C quản lý, gia đình tự sử dụng, tự ý chuyển đổi mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993 là không đúng. UBND Quận B căn cứ vào Đơn đề nghị ngày 20/09/1984 cho rằng UBND xã C giao cho gia đình bà Q 10 thước (tương đương 240m<sup>2</sup>) đất để làm cơ sở giải quyết quyền lợi cho gia đình bà Q là không có cơ sở vững chắc, bà Nguyễn Thị Q không biết chữ nên khi đưa giấy xác nhận về thì gia đình cất vào tủ, chỉ đến khi có khiếu kiện xảy ra thì gia đình mang giấy tờ giao đất năm 1984 ra xem thì mới được biết UBND xã C giải quyết cho 10 thước đất tại nội tía góc đường cây đa bia giáp đường cao tốc. Người ký không phải là chủ tịch mà là phó chủ tịch xã C. Như vậy, người ký không phải là đại diện theo pháp luật của UBND thời kỳ đó. Khi giao thì không có ranh mốc giới, tứ cận rõ ràng, sơ đồ hình thể các cạnh, diện tích cụ thể; việc chỉ căn cứ vào đơn đề nghị ngày 20/09/1984 cho rằng gia đình bà Q đã chuyển nhượng tặng cho vượt quá diện tích đất được giao từ đó cho rằng 151,5m<sup>2</sup> là đất nông nghiệp, gia đình bà Q tự ý chuyển mục đích để ở là không đúng, không đảm bảo quyền lợi cho gia đình Liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam Anh Hùng.

Gia đình bà Q ở ổn định, không có tranh chấp trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì đủ điều kiện được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất nếu không có quy hoạch dự án theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Ngoài ra, năm 2015 theo thông báo của chính quyền tổ dân phố, gia đình bà Q đã thực hiện việc kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong thời gian chờ giải quyết thì Dự án mở rộng đường vành đai 3 được phê duyệt triển khai thực hiện nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bị dừng lại. Đủ cơ sở xác định gia đình bà Q đủ điều kiện để được bồi thường về đất ở khi bị nhà nước thu hồi để thực hiện dự án.

Theo Quyết định 4981/QĐ-UBND ngày 07/09/2018 phương án phê duyệt về tái định cư là không đúng vì đã là đất ở thì phải bồi thường về đất ở theo quy định tại điều 75 Luật Đất đai năm 2013, đương nhiên được xem xét tái định cư theo quy định nếu gia đình có yêu cầu. Tại phiếu xác nhận ngày 05/4/2017 của UBND phường C về tình trạng nhà ở, đất ở khác thì gia đình bà Q không có nhà ở đất ở khác. Xác nhận về nhân khẩu, hộ khẩu gia đình thể hiện 03 hộ với 4 nhân khẩu. Như vậy, gia đình bà Nguyễn Thị Q đủ điều kiện được bố trí tái định cư.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Đối với Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 UBND quận B ban hành về việc thu hồi đất, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đều nhất trí chủ trương thu hồi đất, chấp hành quyết định này, không yêu cầu xem xét quyết định này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án nhân dân cấp cao tại H thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đầy đủ quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án:

Về thẩm quyền và trình tự ban hành: Dự án xây dựng mở rộng đường vành đai 3 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật đất đai 2013. Do đó, UBND quận B ban hành Quyết định số 4981 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Q là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất, căn cứ các tài liệu, trong hồ sơ vụ án thể hiện Năm 1984, gia đình bà Nguyễn Thị Q hiến đất ở để xây dựng đình H và được UBND xã C cấp đổi 10 thước đất (tương đương 240m<sup>2</sup>). Do việc giao đất không có quyết định, không cắm mốc giới cụ thể, không có trích lục bản đồ nên diện tích thực tế gia đình bà Q sử dụng là 539,4m<sup>2</sup> tăng 299,4m<sup>2</sup> đất so với diện tích được UBND xã C cấp. Gia đình bà Q đã xây dựng công trình và sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993. Không có tài liệu thể hiện việc gia đình bà Q lấn chiếm đất. Quá trình sử dụng, Gia đình bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng và tặng cho 7 hộ gia đình khác với tổng diện tích là 364,8m<sup>2</sup>. Những người này đều đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở. Diện tích còn lại gia đình bà Q đang sử dụng là 174,6m<sup>2</sup>. Căn cứ các tài liệu như sổ kiểm kê lập năm 2000 (theo bản đồ 1994); Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư lập ngày 15/12/2016 và Phiếu xác nhận của UBND Phường C ngày 5/4/2017; Giấy xác nhận ngày 03/01/2018 của UBND phường C 1; Sổ kiểm kê lập năm 2000 (*lập theo bản đồ năm 1994*), đủ cơ sở xác định diện tích 174,6m<sup>2</sup> gia đình bà Q sử dụng đủ điều kiện để được công nhận và giải quyết quyền lợi là đất ở.

Về tái định cư: Gia đình bà Q là gia đình chính sách (vợ liệt sĩ, con dâu của bà mẹ Việt Nam anh hùng), hiện nay gia đình bà Q có 3 hộ 4 khẩu sinh sống trên

diện tích đất bị thu hồi, không có nơi ở nào khác. Vì vậy, cần xem xét phương án tái định cho phù hợp với quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Xét Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND quận B và Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B. Do UBND quận B xác định không đúng loại đất nên đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi đối với gia đình bà Q nên cần hủy một phần quyết định này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q; sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ về đất ở và phân tái định cư bằng nhà chung cư và một phần Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND quận B, thành phố H về giải quyết khiếu nại.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham dự phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

#### **[1]. Về tổ tụng:**

[1.1]. Ngày 26/12/2018, bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Thị Q để thực hiện dự án Mở rộng đường Vành đai 3 (đoạn M - C) trên địa bàn quận B là quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính và đảm bảo về thời hiệu khởi kiện; người bị kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xem xét đối với các quyết định có liên quan bao gồm: Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 về việc thu hồi đất và Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và đưa Chủ tịch UBND quận B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[1.3]. Tại phiên tòa, người khởi kiện vắng mặt, tuy nhiên đã được triệu tập hợp lệ và có người đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện; người bị kiện là UBND quận B; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND Quận B, UBND phường C đều vắng mặt tại phiên tòa; tuy nhiên cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về thẩm quyền và thủ tục ban hành: Dự án xây dựng mở rộng đường vành đai 3 thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 và Điều 63 Luật Đất đai 2013. Do đó, UBND quận B ban hành Quyết định số 4981 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Q là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định 7332 ngày 05/12/2018 về việc trả lời khiếu nại lần đầu là đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Đất đai 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.2]. Về nội dung Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án kèm theo khi thu hồi đất, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tài liệu trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện, về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Năm 1984, gia đình bà Nguyễn Thị Q hiến đất ở để xây dựng đình H và được UBND xã C cấp đổi 10 thước đất (tương đương 240m<sup>2</sup>). Tại Báo cáo số 230/BC-TTr ngày 30/8/2017 của Thanh tra UBND quận B và Biên bản đối thoại ngày 22/11/2018 của Thanh tra quận B; lời khai của người làm chứng, cùng các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện, việc giao đất cho gia đình bà Q không có quyết định, không cắm mốc giới, không có biên bản hoặc tài liệu về việc bàn giao đất tại thực địa cho gia đình bà Q năm 1984. Do việc giao đất không có quyết định, không cắm mốc giới cụ thể, không có trích lục bản đồ nên diện tích thực tế gia đình bà Q sử dụng là 539,4m<sup>2</sup> tăng 299,4m<sup>2</sup> đất so với diện tích được UBND xã C cấp. Ngoài ra, tại phiếu lấy ý kiến dân cư ngày 15/12/2016 đã thể hiện “...*ranh giới thửa đất của gia đình sử dụng ổn định, không biến động với các người sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm đất công, không tranh chấp, sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993. Tình trạng đất, không tranh chấp...*”; tại biên bản làm việc ngày 14/9/2017 của Thanh tra quận B đối với đất của gia đình bà Q đã thể hiện “...*không có hồ sơ xử lý vi phạm liên quan đến việc lấn chiếm hay chuyển mục đích sử dụng đất của gia đình bà Q*”; đối với người bị kiện, không cung cấp được tài liệu chứng minh, đất do gia đình bà Q lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng trái phép. Như vậy, đủ cơ sở kết luận gia đình bà Q đã xây dựng công trình và sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ trước ngày 15/10/1993. Không có tài liệu thể hiện việc gia đình bà Q lấn chiếm đất như phân tích nêu trên.

[2.3]. Quá trình sử dụng đất, gia đình bà Nguyễn Thị Q đã chuyển nhượng và tặng cho 07 hộ gia đình khác với tổng diện tích là 364,8m<sup>2</sup>. Những người này đều đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở. Diện tích còn lại gia đình bà Q đang sử dụng là 174,6m<sup>2</sup>. Tại phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 15/12/2016, Phiếu xác nhận ngày 05/4/2017 của UBND phường C, đều thể hiện: *bà Q xây dựng nhà 02 tầng, hoàn thành xây dựng trước ngày 15/10/1993, ranh giới thửa đất của gia đình sử dụng ổn định, không biến động với các người sử dụng đất liền kề, không lấn chiếm đất công, không tranh chấp, sử dụng ổn định vào mục đích để ở từ trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp đất đai*; tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, không thể hiện việc ngăn chặn, xử lý hành vi xây dựng công trình trái phép trên đất, lấn chiếm đất đai... đối với gia đình



bà Q. Do đó, đủ căn cứ để xác định thực tế gia đình bà Q đã làm nhà, sinh sống ổn định trên diện tích đất này trước năm 1993, các công trình xây dựng trên đất đều trước năm 2004. Quá trình sử dụng đất không có biến động, tranh chấp với các hộ liền kề, không lấn chiếm đất công, sử dụng đất ổn định vào mục đích để ở và gia đình bà Q không có giai đoạn nào sử dụng diện tích đất trên để sản xuất nông nghiệp.

[2.4]. Tại giấy xác nhận ngày 03/01/2018 của UBND phường C 1, cùng các tài liệu trong hồ sơ đã thể hiện: Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND phường C 1, diện tích đất bị thu hồi thuộc một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 69 Bản đồ đo vẽ năm 1994 tại xã C (nay là phường C 1) có diện tích 178m<sup>2</sup>; thể hiện có công trình xây dựng trên đất; Sổ kiểm kê lập năm 2000 (*lập theo bản đồ năm 1994*) thể hiện chủ sử dụng đất: Nguyễn Thị Q; loại đất: Đất ở. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; khoản 1 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, đủ cơ sở để xác định diện tích đất thực tế gia đình bà Q đang sử dụng có chung nguồn gốc như diện tích đất gia đình bà đã tặng, cho, chuyển nhượng cho 07 hộ khác như đã nêu trên; như vậy, diện tích 174,6m<sup>2</sup> gia đình bà Q sử dụng đủ điều kiện để được công nhận và giải quyết quyền lợi là Đất ở.

[2.5]. Tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ quy định trường hợp sử dụng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì người đang sử dụng đất được bồi thường về đất đối với diện tích và loại đất được giao. Mặt khác, như phân tích nêu trên, vì gia đình bà Q đang sử dụng đất có nhà ở từ trước ngày 15/10/1993 mà tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (gồm: sử dụng đất lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng; sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất; lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích;...) thì không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng; vì vậy, gia đình bà Q đủ điều kiện, tiêu chuẩn và cần được công nhận, giải quyết quyền lợi là đất ở, không phải nộp tiền sử dụng đất, đồng thời được xem xét các chính sách hỗ trợ khác theo quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân quận B ra quyết định thu hồi 151,5m<sup>2</sup> và Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xác định là đất nông nghiệp do HTX C quản lý (nay là UBND phường C 1) nên căn cứ vào mục I, II Thông báo Kết luận số 304/TB-UBND thành phố H ngày 22/8/2016 để lên phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 151,5m<sup>2</sup> đất là không thỏa đáng và không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà Q.

[2.6]. Về tái định cư: Gia đình bà Q là gia đình chính sách (vợ liệt sĩ, con dâu của bà mẹ Việt Nam anh hùng), hiện nay gia đình bà Q có 03 hộ, 04 khẩu sinh sống trên diện tích đất bị thu hồi, không có nơi ở nào khác. Vì vậy, cần xem xét phương án tái định cư cho phù hợp với quy định Điều 75, Điều 86 Luật Đất đai 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

[2.7]. Xét Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch

UBND quận B. Như phân tích ở trên, UBND quận B xác định không đúng loại đất nên đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi đối với gia đình bà Q nên cần hủy một phần quyết định này. Do đó, từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q; sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ về đất ở và phân tái định cư bằng nhà chung cư và Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND quận B, thành phố H như quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại H.

[3]. Đối với Quyết định số 4980/QĐ-UBND ngày 7/9/2018 UBND quận B ban hành về việc thu hồi đất, đến nay và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Q đều xác định, bà Q nhất trí chủ trương thu hồi đất, chấp hành quyết định này, không yêu cầu xem xét quyết định này, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đề cập đến.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q và người đại diện được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 2 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Q và người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 243/2020/HC-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, cụ thể như sau:

Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 225; điểm a khoản 2 Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ Tụng hành chính; Điều 75, Điều 86, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013; Điều 6, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q:

+ Hủy một phần Quyết định số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Cụ thể là phần Bồi thường hỗ trợ về đất và phân tái định cư bằng nhà chung cư.

+ Hủy một phần Quyết định số 7332/QĐ-UBND ngày 04/4/2019 của Chủ tịch UBND quận B, thành phố H về giải quyết khiếu nại lần đầu. Cụ thể là phần:

Giữ nguyên Quyết định hành chính số 4981/QĐ-UBND ngày 07/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

[2]. Về án phí: Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Q và người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Minh B và bà Dương Thị L, không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Đình Lực**

**Phạm Việt Hà**

**Mai Anh Tài**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại H;
- TAND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HC-TP TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Anh Tài**